

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày 03-11-2020

V/v Tranh chấp chia tài sản
chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Huỳnh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Công

Ông Nguyễn Văn Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 94/2020/TLST-HN ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “ Tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Bé T, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện CL, tỉnh TV.

Bị đơn: Ông Đường Văn Th, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện CL, tỉnh TV.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đường Thị Huỳnh Nh, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng)
- Chị Đường Thị Huỳnh Ng, sinh ngày 17/12/2002 (có đơn xin vắng)
- Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng)
- Bà Diệp Tuyết Nh, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng)
- Ông Mai Văn M, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng)
- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng)
- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng)
- Bà Đường Thị Nh, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng)
- Bà Đường Thị D, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng)

- Ông Đường Văn C, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng)
Cùng địa chỉ: ấp A, xã H, huyện CL, tỉnh TV.
- Bà, sinh năm 1957 (có đơn xin vắng)
Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện CL, tỉnh TV.
- Ông Đường Văn T, sinh năm 1962 (có đơn xin vắng)
Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện Duyên Hải, tỉnh TV.
- Ông , sinh năm 1972 (có đơn xin vắng)
Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện DH, tỉnh TV.
- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng)
- Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng)
Cùng địa chỉ: ấp G, xã H, huyện CL, tỉnh TV.
- Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng)
Địa chỉ: ấp B, xã PT, huyện CL, tỉnh TV.
- Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng)
Địa chỉ: ấp Ph, xã PT, huyện CL, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ Thị Bé T trình bày: Bà và ông Đường Văn Th đã được Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con xong. Riêng về phần tài sản chung đã bị cấp phúc thẩm hủy giải quyết lại. Về tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ Thửa đất số 1069 (sau khi đã chuyển nhượng một phần cho anh Hòa) còn lại diện tích 1.031m² tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp A, xã Huyện Hội, huyện CL được UBND huyện CL cấp giấy chứng nhận vào ngày 02-3-2015 do ông Đường Văn Th đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất (Nguồn gốc đất của cha chồng để lại cho vợ chồng). Trong thửa đất này có 07 cây dừa đang cho trái do vợ chồng bà trồng, 05 ngôi mộ của ông, bà, cha, mẹ chồng; 01 căn nhà tường cấp 04 diện tích 84,36m², vách xây tường gạch, mái lợp tole, nền lót gạch men và nhà sau diện tích 31,27m² mái lá nền xi-măng cùng các vật dụng sinh hoạt trong gia đình.

+ Thửa đất số 93, diện tích 6.160m², tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Giồng Bèn, xã Huyện Hội, huyện CL được UBND huyện CL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29-01-2014 do ông Đường Văn Th đại diện hộ đứng tên. Đất này mua của ông Nguyễn Phi Long vào năm 2002.

+ Thửa đất số 373B, diện tích 1.269,1m², tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp A, xã Huyện Hội, huyện CL. Thửa đất này do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của hộ Nguyễn Văn Kh cùng ấp vào năm 2002, hiện đã làm thủ tục sang tên, tách thửa nhưng chờ đóng tiền lấy kết quả.

Tất cả nguồn tiền mua đất thửa 93, thửa 373B và xây nhà từ việc chuyển nhượng một phần diện tích đất thửa 1069 cho anh Hòa. Hiện nay tất cả các tài sản đất đai, nhà cửa do ông Th đang quản lý, sử dụng.

Sau khi cưới bà về làm dâu sống chung gia đình chồng, cùng sử dụng tài sản

này nên nay bà không yêu cầu chia đất thửa 93, thửa 373B mà bà chỉ yêu cầu chia thửa 1069 cho bà được hưởng một phần giá trị diện tích đất theo kết quả thẩm định là 463,6m² (phần A đất trống) nằm trong thửa đất số 1069, diện tích 1.031m² (thực đo là 1.203,6m²), tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp A, xã Huyền Hội, huyện CL theo giá của Hội đồng định giá. Phần còn lại thửa 1096 gắn liền tài sản trên đất bà đồng ý để lại cho ông Th tiếp tục quản lý, sử dụng.

+ Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Đường Văn Th trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà Tạ Thị Bé T về quan hệ ông nhân và con chung đã được Tòa án giải quyết xong. Riêng về phần tài sản, ông cũng thống nhất lời trình bày của bà T về nguồn gốc đất thửa 1069 là của cha ruột để lại cho ông và nguồn tiền mua đất thửa 93, thửa 373B và xây nhà từ việc bán một phần diện tích đất thửa 1069 cho anh Hòa (không nhớ họ tên anh Hòa và chuyển nhượng diện tích bao nhiêu). Bà T chỉ về làm dâu, vợ chồng không có tạo lập được tài sản gì nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà T. Ngoài ra, phần đất bà T yêu cầu diện tích 463,6m² (phần đất trống) nằm trong thửa đất số 1069 ông đã chuyển nhượng cho anh Mai Văn M nhưng chưa làm thủ tục tách thửa, sang tên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Kh giữ nguyên lời khai: Vào thời gian nào ông không nhớ, ông có sang nhượng cho anh Toàn một phần đất nhưng không nhớ diện tích bao nhiêu. Ông đã giao đất cho anh Toàn canh tác, sử dụng và có đến cơ quan nhà nước làm thủ tục sang tên tách thửa, tuy nhiên đến nay vẫn chưa hoàn thành nên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do ông đứng tên. Nay ông không có yêu cầu hay tranh chấp gì.

Theo bản khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Mai Văn M và chị Nguyễn Thị X trình bày: vào ngày 04/5/2016 anh có sang nhượng của anh Đường Văn Th một phần diện tích đất ngang 9,5 mét, dài 50 mét, diện tích 463,6m² (phần đất trống) thuộc thửa 1069 với số tiền 180.000.000 đồng. Việc mua bán chỉ làm giấy tay, không có làm hợp đồng chuyển nhượng theo quy định, số tiền sang nhượng đất anh đã giao đủ cho anh Toàn, nhưng đến nay hai bên chưa làm thủ tục tách thửa sang tên, việc sang nhượng chỉ có một mình anh Toàn không có chị T tham gia. Nay vợ ông Th là bà T yêu cầu được chia phần đất này, vợ chồng ông bà không có yêu cầu gì mà vợ chồng ông bà với ông Th tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Đường Thị Huỳnh Nh, chị Đường Thị Huỳnh Ng, bà Diệp Tuyết Nh, bà Nguyễn Thị P, bà Đường Thị Nh, bà Đường Thị D, ông Đường Văn C, bà Đường Thị Đ, ông Đường Văn T, ông Đường Văn B, ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Ph, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị L đều không có yêu cầu gì về tài sản của vợ chồng ông Th, bà T đang quản lý, sử dụng và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CL: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Xác định đất thửa 93, thửa

373B và thửa 1069 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng bà T chỉ yêu cầu hưởng một phần diện tích 463,6m² trong thửa 1069 là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 28, 35, 39, 92, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình và căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị Bé T được hưởng giá trị diện tích 463,6m² thuộc thửa 1069 với số tiền theo kết quả định giá là 278.160.000 đồng. Đình chỉ đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về chia thửa 93, thửa 373B. Các bên phải chịu chi phí Tòa án và án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Tạ Thị Bé T yêu cầu ông Đường Văn Th ở ấp A, xã Huyền Hội, huyện CL, tỉnh TV chia tài sản chung bằng công sức giá trị tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân được hưởng một phần diện tích 463,6m² nằm trong thửa đất số 1069, diện tích 1.031m² (thực đo là 1.203,6m²), tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp A, xã Huyền Hội, huyện CL, tỉnh TV nên xác định là tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đường Thị Huỳnh Nh, chị Đường Thị Huỳnh Ng, bà Diệp Tuyết Nh, bà Nguyễn Thị P, bà Đường Thị Nh, bà Đường Thị D, ông Đường Văn C, bà Đường Thị Đ, ông Đường Văn T, ông Đường Văn B, ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Ph, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị L, anh Mai Văn M, chị Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn Kh đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân và con chung: Bà Tạ Thị Bé T và ông Đường Văn Th được Tòa án nhân dân huyện CL xét xử bằng Bản án hôn nhân sơ thẩm số 42/2019/HNGĐ-ST ngày 28-11-2019 tuyên công nhận sự thuận tình ly hôn và công nhận cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Đường Thị Huỳnh Ng, sinh ngày 17/12/2002 và Đường Thị Ngọc Oanh, sinh ngày 16/6/2006. Bà T và ông Th không kháng cáo phần này nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về phần chia tài sản chung đã bị cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh TV hủy bằng Bản án số 05/2020/HNGĐ-ST ngày 27-5-2020. Sau khi cấp sơ thẩm thụ lý lại và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Tạ Thị Bé

T có thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia đôi tất cả tài sản chung 03 thửa đất: thửa 93, thửa 373B và thửa 1069 mà chỉ yêu cầu ông Th chia chia một phần tài sản giá trị chung bằng công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân bằng diện tích 463,6m² (phần A đất trồng) nằm trong thửa đất số 1069, diện tích 1.031m² (thực đo là 1.203,6m²), tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp A, xã Huyền Hội, huyện CL, tỉnh TV do hộ ông Th đứng tên. Nhưng ông Th không đồng ý chia mà cho rằng thửa đất 1069 là của cụ Đường Văn M (cha ruột ông Th) để lại cho ông không phải là tài sản chung của vợ chồng.

[2.3] Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 1069, diện tích 1.031m², tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp A, xã Huyền Hội, huyện CL, tỉnh TV, theo Công văn số 241/CNHCL ngày 13-11-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CL xác định thửa đất số 1069 được tách từ thửa 898 do ông Th kê khai và được UBND huyện CL cấp cho hộ ông Th vào ngày 02-3-2015. Trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay bà T và ông Th đều khai nguồn gốc thửa đất số 1069 là của cụ Đường Văn M (chết năm 1997) sau khi chết để lại diện tích trên 7000m² cho ông Th kê khai, đứng tên quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng, ông Th đã tách thửa, chuyển nhượng một phần còn lại diện tích 1031m² được UBND huyện CL cấp cho hộ ông Th vào ngày 02-3-2015. Thấy rằng, bà T và ông Th đăng ký kết hôn năm 2002 sống với nhau trên 10 năm. Sau khi cưới, bà T về sống bên chồng, làm công việc nội trợ và cùng ông Th chăm sóc cho gia đình lo cho 03 người con chung kể cả lo cho cha ruột ông Th là ông M đến khi qua đời và cùng góp sức duy trì phần đất của cha ruột ông Th để lại như chuyển nhượng một phần đất thửa 1069 khoảng 3000m² để xây nhà và mua thêm thửa đất số 93 diện tích 6.160m² và thửa đất số 373B diện tích 1.269,1m² làm tăng diện tích đất có giá trị hơn. Năm 2019 hôn nhân giữa bà T với ông Th chấm dứt. Ông Th quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên. Khi đó, bà T thì không được ông Th chia một phần nào trong khối tài sản này và hiện nay phải đi làm thuê, chưa có nơi ở ổn định còn phải nuôi hai con chung chưa thành niên mà không có yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Do đó, bà T cần được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp về giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] Thực tế mặc dù đất này có nguồn gốc của ông Th có trước khi kết hôn nhưng sau khi kết hôn bà T về làm vợ ông Th đã được nhập nhân khẩu chung hộ gia đình ông Th và đến năm 2015 hộ ông Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1069 là của chung hộ gia đình (Bút lục số 08; 23) nên có căn cứ xác định ông Th đã tự nguyện nhập thửa đất 1069 này thành tài sản chung của hộ gia đình trong thời kỳ hôn nhân. Khi đó, tại khoản 29 Điều 3 của Luật đất đai quy định: *“Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất.”* nên bà T thỏa mãn điều kiện trong quy định này. Ông Th cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh thửa đất số 1069 diện tích 1031m² là tài sản riêng. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đường Thị Huỳnh Nh, chị

Đường Thị Huỳnh Ng, bà Nguyễn Thị P, bà Đường Thị Nh, bà Đường Thị D, ông Đường Văn C, bà Đường Thị Đ, ông Đường Văn T, ông Đường Văn B, ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Ph, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị L không ai yêu cầu gì thửa đất này. Nên có cơ sở xác định thửa 1069 là tài sản chung của vợ chồng được quy định tại Điều 33 của Luật hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, bà T chỉ yêu cầu chia giá trị một phần tài sản chung bằng diện tích 463,6m² (phần A đất trống) nằm trong thửa đất số 1069 trong tổng diện tích 1.031m² (thực đo là 1.203,6m²) là có cơ sở được chấp nhận. Đối với thửa đất 93, thửa 373B và căn nhà, ngôi mộ nằm trên thửa 1069 thì bà T không đặt ra yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này theo đơn khởi kiện.

[2.5] Xét thửa đất tranh chấp số 1069, diện tích 1.031m² (thực đo là 1.203,6m²), tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp A, xã Huyền Hội, huyện CL do ông Th quản lý sử dụng hiện nay không thay đổi hiện trạng như kết quả khảo sát số 272/CNHCL ngày 25-12-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CL (Bút lục 127). Trong thửa đất này mà bà T xin được hưởng giá trị diện tích 463,6m² (phần A đất trống) nằm trong thửa đất số 1069, hiện nay đã được ông Th chuyển nhượng cho vợ chồng anh Mai Văn M và chị Nguyễn Thị X nhưng chưa làm thủ tục sang tên tách thửa. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 10-7-2020 thì anh M, chị X không có yêu cầu gì về phần đất này (Bút lục số 311). Do đó, Hội đồng xét xử sẽ dành cho anh Minh, chị Xuyen một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[2.6] Theo kết quả định giá ngày 04-9-2020 đất thửa 1069 loại đất lúa, diện tích thực đo 1.203,6m² x 600.000 đồng/m² = 722.160.000 đồng (tính theo giá trị thị trường). Khi đó, phần bà T được hưởng diện tích 463,6m² (phần A đất trống) nằm trong thửa đất số 1069 (theo hiện trạng ban đầu không tính đất lấp) có giá trị là 278.160.000 đồng, ông Th được hưởng diện tích còn lại 740m² (Phần B). Do bà T yêu cầu chia giá trị nên ông Th được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ đất thửa số 1069, diện tích 1.031m² (thực đo là 1.203,6m²) như hiện trạng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Th cùng tất cả tài sản gắn liền trên đất này và ông Th phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị 278.160.000 đồng cho bà T.

[3] Về nợ chung: Bà T và ông Th khai không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các bên được quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[4] Ý kiến của của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí khảo sát, định giá: Tổng chi phí là 7.302.000 đồng. Bà T và ông Th phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Buộc bà T và ông Th phải chịu án phí dân sự đối với phần tài sản được hưởng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 157; khoản 2, khoản 4 Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị Bé T.

1. Buộc ông Đường Văn Th phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chung cho bà Tạ Thị Bé T được hưởng số tiền 278.160.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

2. Ông Đường Văn Th được tiếp tục quản lý, sử dụng đất thửa số 1069, diện tích 1.031m² (thực đo là 1.203,6m²), tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp A, xã Huyền Hội, huyện CL, tỉnh TV như hiện trạng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Th cùng tất cả tài sản gắn liền trên đất này (trong đó, phần ông Th được hưởng diện tích 740m² thuộc phần B và hưởng phần A của bà T như sơ đồ khu đất kèm theo).

Để đảm bảo cho việc thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật, nghiêm cấm các bên làm thay đổi hiện trạng, mục đích sử dụng đất hoặc hủy hoại đất cho đến khi thi hành án xong.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Tạ Thị Bé T về yêu cầu chia đôi thửa đất số 93, diện tích 6.160m², tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Giồng Bèn, xã Huyền Hội, huyện CL, tỉnh TV và thửa đất số 373B, diện tích 1.269,1m², tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp A, xã Huyền Hội, huyện CL, tỉnh TV.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí định giá tài sản: Tổng chi phí là 7.302.000 đồng. Buộc ông Đường Văn Th nộp 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng). Bà Tạ Thị Bé T chịu 4.552.000 đồng nhưng bà T đã nộp tạm ứng trước đã xong nên số tiền thu từ ông Th được trả lại cho bà T.

5. Về án phí:

Bà Tạ Thị Bé T phải chịu án phí dân sự chia tài sản chung 13.908.000 (Mười ba triệu chín trăm lẻ tám ngàn) đồng. Nhưng được trừ vào 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2015/0017380 ngày 25/6/2018 và 4.670.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số

AA/2018/0000544 ngày 06/3/2019 do bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Số tiền còn thừa bà T được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

Buộc ông Đường Văn Th phải nộp án phí dân sự chia tài sản chung 21.760.000 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm sáu chục ngàn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND huyện CL;
- CCTHADS huyện CL;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Huỳnh Liêm